TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN Bản án số: 306/2023/HNGĐ-ST Ngày 27 -12- 2023 V/v "Ly hôn"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Lin
2. Bà Trần Thị Đổi

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 1071/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979. Địa chỉ HKTT: Ấp X, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1973. Địa chỉ HKTT: Ấp X, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2023 và những lời trình bày tiếp theo do nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày như sau:

Về tình trạng hôn nhân: bà và ông Phan Thanh T trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng và tiến đến hôn nhân vào năm 2000 đến năm 2019 hai người có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân gia đình tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu về sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Bà và ông T đã ly thân từ tháng 01/2023 đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn. Nay bà kiên quyết xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: hai người có 03 con chung tên Phan Thành Phát sinh năm 2001 (trưởng thành), Phan Thị Kiều An s năm 2004 (trưởng thành) và Phan Thành Đ sinh

năm 2007. Khi ly hôn con chưa thành niên sống với ai thì người đó nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Ngoài ra bà không còn yêu cầu gì khác. Đồng thời bà xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Phan Thanh T*:* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Ly hôn*" là những tranh chấp theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn ông Phan Thanh T có sinh sống tại địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về tư cách tố tụng, phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Ngọc H khởi kiện được xác định là nguyên đơn, ông Phan Thanh T được xác định là bị đơn. Tòa án chỉ xét xử trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3]. Xét xử vắng mặt: bà Nguyễn Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà. Ông Phan Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[1.4] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc H xác định có đăng ký kết hôn với ông T và có 03 con chung tên Phan Thành Phát sinh năm 2001, Phan Thị Kiều An s năm 2004 và Phan Thành Đ sinh năm 2007. Chứng cứ là giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh con.

Pháp luật được áp dụng: Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình trạng hôn nhân: Xét hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc H và ông Phan Thanh T nêu trên dựa trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Cuộc sống chung vợ chồng không hợp nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người phát sinh

mâu thuẫn và ly thân từ tháng 01/2023 đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà H được ly hôn với ông T.

[2.2] Đối với con chung: bà H và ông T có con 03 chung tên Phan Thành Phát sinh năm 2001, Phan Thị Kiều An s năm 2004 và Phan Tĩnh Đ sinh năm 2007. Khi ly hôn bà H đồng ý nuôi con tên Phan Tĩnh Đ sinh năm 2007 không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Đ có nguyện vọng sống với bà H nên cần để bà H nuôi con, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản: Bà H khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý.

[2.4]. Về nợ chung: Bà H khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý.

[2.5]. Ông T vắng mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến về tài sản sản, nợ chung nên không đề cập xem xét.

[3] Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.*Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Ngọc H được ly hôn với ông Phan Thanh T.

2.*Về con chung*: Bà H được tiếp tục nuôi con chung tên Phan Thành Đ sinh ngày 01/02/2007. Ông Phan Thanh T không cấp dưỡng nuôi con vì bà H không yêu cầu. Đối với các con tên Phan Thành P và Phan Thị Kiều A (đã trưởng thành). Vì quyền lợi của trẻ, ông T được đến thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, bà H1 các thành viên trong gia đình của ông không được quyền cản trở. Khi cần thiết, bà H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông Phan Thanh T cũng có quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con.

3. *Về tài sản:* không đề cập xem xét giải quyết.

4. *Về nợ chung:* không đề cập xem xét giải quyết.

5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà H đã nộp theo biên lai số 0006069 ngày 11/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Như vậy bà H đã nộp xong.

6. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mộng T1